

*Lưu Công Đạt*

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
MEDIPHARCO  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRI

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
\*\*\*000\*\*\*

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

### ✦ Công bố tại:

- Trang điện tử của Ủy ban chứng khoán nhà nước:  
<http://www.congbothongtin@ssc.gov.vn>
- Trang điện tử của CTCP dược Medipharco theo địa chỉ:  
<http://www.medipharco.com.vn>

### ✦ Báo cáo trong Hồ sơ công bố thông tin gửi đến:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thành phố Huế, ngày 20/03/2023

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC MEDIPHARCO NĂM 2022

### I. Thông tin chung:

#### 1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch/ Trading name: Công ty cổ phần dược Medipharco
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Đăng kí lần đầu do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 18 /01/2006
- Vốn điều lệ: 74.554.060.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 0 ĐVN
- Địa chỉ: Số 08 Nguyễn Trường Tộ, phường Phước Vĩnh, Thành phố Huế- Tỉnh Thừa Thiên Huế .
- Điện thoại : (84) 0234.3832814, 3823099, 3827215
- E-mail : [mediphar@dng.vnn.vn](mailto:mediphar@dng.vnn.vn)
- Website [www.medipharco.com/](http://www.medipharco.com/) [www.medipharco.com.vn](http://www.medipharco.com.vn)
- Mã cổ phiếu: MTP

#### a. Quá trình hình thành và phát triển.

##### ✦ Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)

Công ty Dược TW Huế nguyên là Công ty Dược phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế được thành lập Ngày 08 tháng 4 năm 1976 sau ngày Miền Nam hoàn toàn giải phóng -thống nhất đất nước, đã trải qua nhiều thời kỳ với các tên gọi khác nhau: Xí nghiệp Liên hiệp Dược Bình - Trị - Thiên, Xí nghiệp LH Dược Thừa Thiên Huế, Công ty Dược Thừa Thiên Huế.

Năm 1999 được Bộ Y Tế ra quyết định số 340/1999/QĐ-BYT ngày 02/09/1999 tiếp nhận Công ty Dược Phẩm TT.Huế vào làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Dược Việt Nam thuộc Bộ Y Tế và đổi tên thành Công ty Dược TW Huế , tên giao dịch là MEDIPHARCO, ngành nghề SẢN XUẤT - KINH DOANH - XUẤT NHẬP KHẨU trực tiếp thuốc chữa bệnh, nguyên liệu , hương liệu, mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng, sản phẩm sinh học và thiết bị dụng cụ Y Tế.

Theo Quyết định số 4751/QĐ-BYT ngày 09/12/2005 của Bộ Y tế về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Dược TW Huế thành Công ty Cổ phần, đơn vị tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp và ngày 18/01/2006 được Sở Kế hoạch và Đầu





tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy phép số 3103000165 đổi tên thành Công ty cổ phần Dược TW Medipharco với số vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng).

Được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (theo Quyết định 175/UBCK-GCN ngày 20/09/2007) về việc phát hành tăng vốn điều lệ, ngày 07/11/2007 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế đã cấp giấy phép số 3300101406 đổi tên thành Công ty Cổ phần Dược Trung ương Medipharco - Tenamyl với số vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng (Hai mươi tỷ đồng).

Niêm yết: trên sàn UPCOM – Sở giao dịch chứng khoán Hà nội – Mã giao dịch MTP

Năm 2019: sáp nhập CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco- Tenamyl BR s.r.l vào CTCP dược Medipharco và được Sở Kế hoạch đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3300101406 – đăng kí thay đổi lần thứ 10 do Sở KH&ĐT Thừa Thiên Huế cấp ngày 03/01/2019; Vốn điều lệ: **65.983.670.000 VNĐ; Thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh sau khi sáp nhập;**

Năm 2020: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đã bầu lại HĐQT ( gồm 3 thành viên) - Ban Kiểm soát ( Gồm 3 thành viên) nhiệm kì 4 ( 2020-2025). Thay đổi Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh lần thứ 11 ngày 18/05/2020 của Doanh nghiệp về :

- + Bổ sung người đại diện theo pháp luật: 02 người
- + Thay đổi Người quản lí doanh nghiệp:
- + Thay đổi Tổng giám đốc.

Năm 2021: Đại hội đồng cổ đông bất thường biểu về việc Bổ sung Ngành ,nghề kinh doanh - Sản phẩm chi tiết của Mã Ngành nghề vào Giấy đăng kí kinh doanh;

Các sự kiện khác trong Năm 2022:

- + Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường đã thông qua việc Phát hành cổ phiếu để chi cổ tức năm 2021. Vốn Điều lệ thay đổi là 74.554.060.000 VNĐ, đồng thời thay đổi Giấy đăng kí kinh doanh lần thứ 12 ngày 22/09/2022 sau khi tăng vốn Điều lệ và bổ sung Ngành nghề kinh doanh
- + Giấy chứng nhận đăng kí chứng khoán ( Lần đầu ngày 13/08/2010)- Đăng kí thay đổi lần thứ 5 ngày 16/09/2022: Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch tại HNX đã thay đổi sau khi phát hành cổ phiếu là : 7.455.406 cổ phiếu.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

### a. Ngành nghề kinh doanh đăng kí đến thời điểm 31/12 năm 2022:

001  
CỔ  
PH  
ME  
UE-T



TT	Ngành nghề	Mã ngành
1.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất các loại thuốc; Thực phẩm chức năng; Sản xuất các sản phẩm y tế	2100
2.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh. Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm	2023
3.	Sản xuất chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá. Chi tiết: Sản xuất rượu Hoàng đế Minh Mạng	2825
4.	Dịch vụ phục vụ đồ uống. Chi tiết: Kinh doanh rượu Hoàng đế Minh Mạng	5630
5.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Kinh doanh các sản phẩm y tế	4669
6.	Đầu tư tài chính	6499
7.	Dịch vụ nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
8.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
9.	Kinh doanh, Sản xuất, Xuất nhập khẩu các sản phẩm mục 1,2,3,4	
10.	Dịch vụ Bảo quản thuốc chữa bệnh	8299
11.	Sản xuất rượu vang	1102
12.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, sản xuất đồ uống không cồn	1104
13.	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất chế phẩm diệt khuẩn trong gia dụng và y tế	2029
14.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
15.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn trà túi lọc, trà hòa tan, trà gói thảo dược; Bán buôn thực phẩm chức năng; Bán buôn thực phẩm dinh dưỡng; Bán buôn thực phẩm khác	4632
16.	Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
17.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
18.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
19.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
20.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789
21.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
22.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm của công ty	8299
23.	Trồng cây hàng năm khác Chi tiết: Trồng cây Dược liệu, Hương liệu hàng năm	01192
24.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
25.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
26.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213

TT	Ngành nghề	Mã ngành
27.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
28.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Đào tạo thực hành tại cơ sở theo nhu cầu của khách hàng</i>	8559
29.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

**b. Địa bàn kinh doanh chính:**

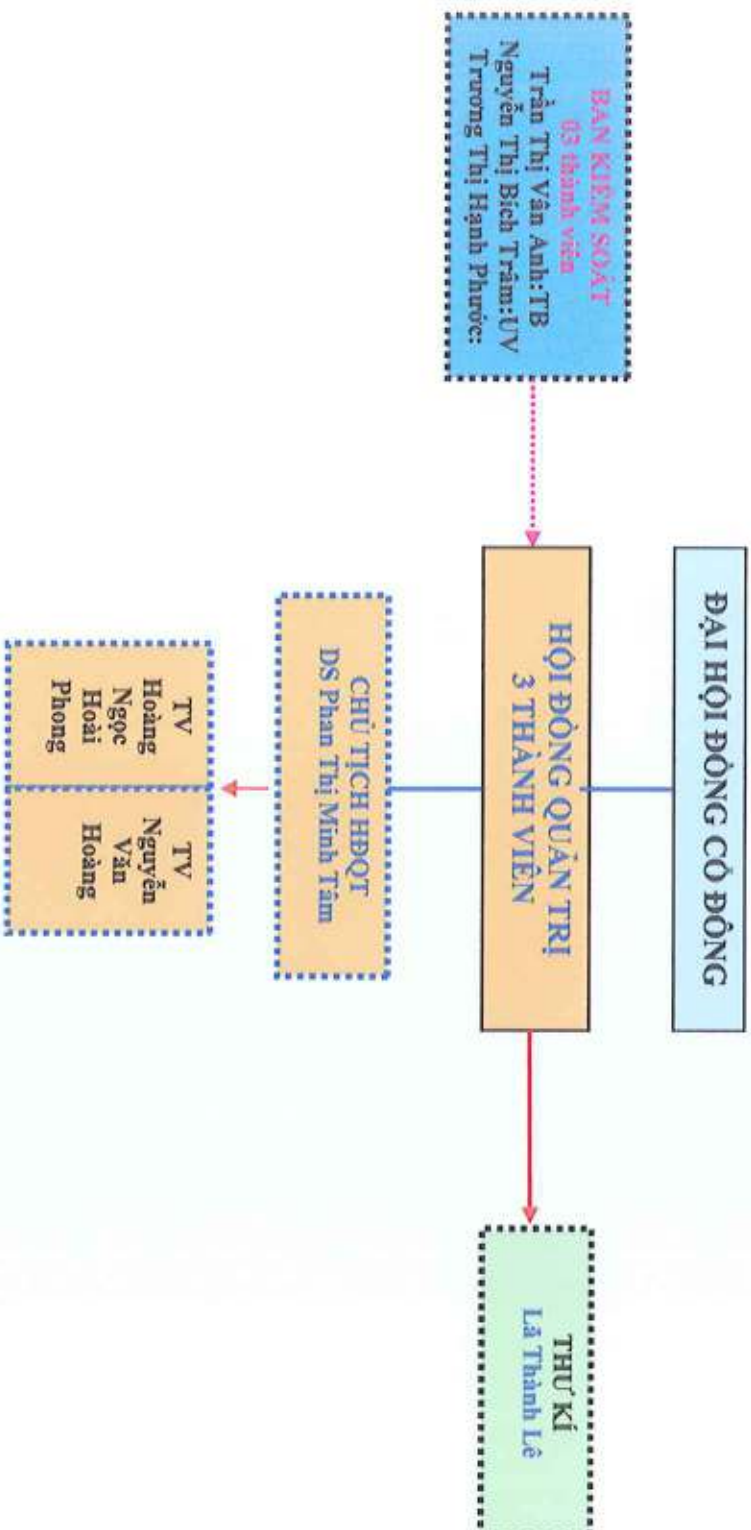
- Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Thành phố Hà Nội
- Thành phố Hồ Chí Minh

**3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

- a. Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý:

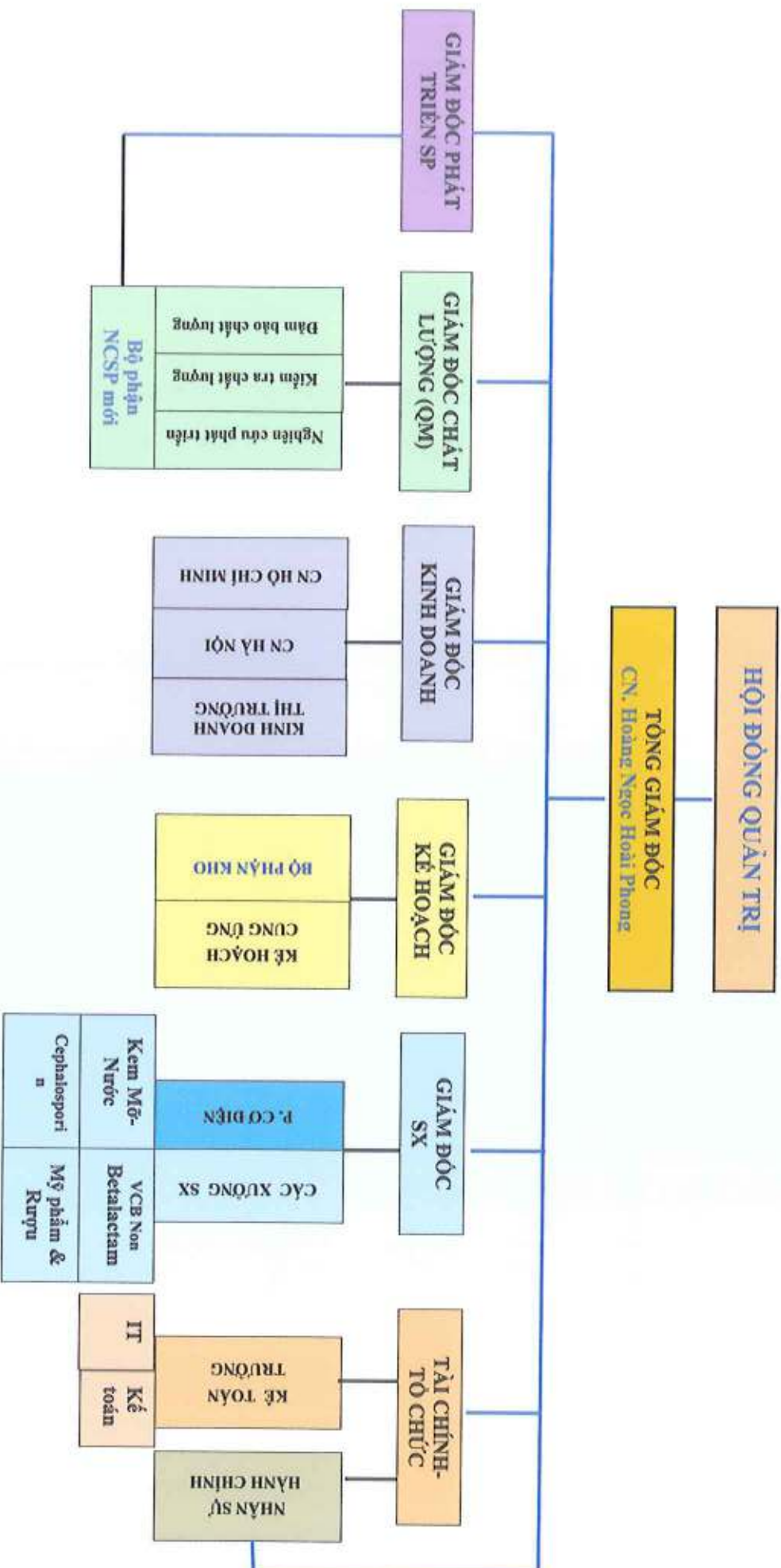
### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ- BAN KIỂM SOÁT- THƯ KÍ: Không thay đổi!

3 người: 1 Chủ tịch + 2 Ủy viên ; Trong đó 1 TV ngoài DN





**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC ĐẾN NGÀY 1/1/2023:**  
Bổ sung chức danh Giám đốc KH/ Giám đốc Kinh doanh



- Đại hội Đồng cổ đông: là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
- Hội đồng quản trị: Gồm có 03 người (02 người tham gia trực tiếp điều hành SXKD)
- Ban kiểm soát: Gồm có 03 người.
- Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng: Có 01 Tổng giám đốc Công ty và 01 Kế toán trưởng

↓ **Cơ cấu Công ty gồm:**

- + Có 8 phòng chức năng gồm: Tổ chức Tài chính, Kinh doanh thị trường, Kế hoạch, Bộ phận Kho, Nghiên cứu phát triển ( R&D), Kiểm tra chất lượng( QC), Đảm bảo chất lượng(QA), Cơ điện
- + Có 2 chi nhánh trực thuộc gồm: 02 Chi nhánh tại Hà nội và Thành phố Hồ Chí Minh;
- + Có 4 nhà máy gồm: 03 nhà máy sản xuất Thuốc đạt tiêu chuẩn GMP WHO và 01 Nhà máy số 1 tại khu CN Phú bài sản xuất Rượu đạt tiêu chuẩn ATTP và Sản xuất Hóa Mỹ phẩm

b. **Các công ty con, công ty liên kết/** (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết.

- Công ty Con: Không có!
- Công ty Liên kết: Không có!

#### 4. Định hướng phát triển:

- a) **Tiếp tục Các mục tiêu chủ yếu, mục tiêu phát triển bền vững và Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty:** Theo Mục tiêu và chiến lược của HĐQT nhiệm kì 4 ( 2020-2025) đã thông qua.
- b) **Thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững:**
  - ❖ Tiếp tục đầu tư Phát triển doanh nghiệp đáp ứng chiến lược phát triển Ngành dược Việt nam
  - ❖ Tiếp tục Xây dựng, củng cố và phát triển Thương hiệu của doanh nghiệp
  - ❖ Tập trung phát triển sản xuất Thuốc, góp phần tăng giá trị sản lượng sản xuất công nghiệp, thu hút lao động ngoài xã hội; Góp phần vào công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe của cộng đồng, phát triển ngành Dược Việt nam
  - ❖ Khâu nghiên cứu sản phẩm mới phải được ưu tiên đầu tư hợp lí theo hướng phát triển xây dựng chiến lược sản phẩm, mở rộng thị trường & thị phần phân phối; Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền; Tăng



công suất nhà máy nhằm tiết kiệm hạ giá thành trên nguyên tắc chất lượng SP phải bảo đảm;

- ❖ Phát triển DN đi đôi với thực hiện các giải pháp bảo vệ Môi trường

c) **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2023:**

- ❖ Thực hiện mục tiêu chung của Ngành Dược Việt nam là: *Xây dựng ngành dược VN phát triển ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, chú trọng phát triển công nghiệp dược theo hướng hiện đại, hướng tới sản xuất các thuốc phát minh, thuốc có dạng bào chế hiện đại. Đồng thời đảm bảo mục tiêu xuyên suốt là cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc bảo đảm chất lượng, giá cả hợp lý và an toàn, hiệu quả phục vụ nhu cầu phòng và điều trị bệnh của người dân*
- ❖ Tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt của DN, đổi mới công tác Quản trị Nhân sự nhằm đáp ứng công tác quản lý điều hành hoạt động Sản xuất, Kinh doanh và quản lý chất lượng của doanh nghiệp.
- ❖ Xây dựng, Tăng cường các giải pháp quản lý Công nợ, Tối ưu hóa Dòng Tiền để bảo đảm các điều kiện và Chỉ số theo quy định và cam kết Hợp đồng tín dụng đã và sẽ ký với các ngân hàng thương mại;
- ❖ Tiếp tục Xây dựng & Thực hiện chiến lược sản phẩm mới, tăng cường Hợp tác Nghiên cứu phát triển sản xuất - kinh doanh với hoạt chất mới trong điều trị bệnh, Thuốc có công nghệ bào chế mới phù hợp dây chuyền và công nghệ sản xuất hiện có của DN
- ❖ Xem xét phê duyệt Đầu tư phát triển Cơ sở- Máy móc thiết bị linh kiện, Nhân lực trên cơ sở Kết quả Khảo sát – Đánh giá- Tổng hợp công suất Thiết bị, Linh kiện thực trạng toàn bộ 3 Nhà máy để xác định năng lực sản xuất Khả thi của từng dạng bào chế tối đa .... để đáp ứng chỉ tiêu 32 triệu SPQD và phân đầu chi tiêu đạt 38 triệu SPQD; Tăng cường công tác quản lý đầu tư và thúc đẩy tiến độ đầu tư theo đúng Điều lệ hiện hành và “Quy chế Quản lý Dự án Đầu tư” của Doanh nghiệp
- ❖ Phối hợp toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm; Đăng ký lưu hành thuốc nước ngoài; Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á; Tây á... Duy trì và nâng kim ngạch xuất khẩu tối thiểu 1,7 triệu USD/năm

5. **Các rủi ro:**

- ❖ Các bất cập về Nghị định- Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Dược của Bộ y tế còn nhiều nội dung bất cập chờ sửa đổi Luật Dược trong thời gian 2-3 năm tới! Các bất cập khó khăn về Đăng ký/Gia hạn/Duy trì số đăng ký thuốc ; Về Đấu thầu; Về Thực hiện quản lý thuốc & NL làm thuốc kiểm soát cần dùng trong 1 số ngành- lĩnh vực; Về phân loại mã HS của Hải quan; Về Quy định Bảo hiểm y tế ..... vẫn còn nhiều tác động tiêu cực đến chiến lược phát triển trung & dài hạn của đơn vị - đặc biệt liên quan chiến lược phát triển sản phẩm và thị trường của doanh nghiệp, làm tăng suất đầu tư và giảm lợi nhuận



- ❖ Chi phí đầu vào tiếp tục biến động tăng ( Lương, Bảo hiểm xã hội, Điện, Nước... ) ; Đặc biệt nguồn nguyên liệu, Tá dược SX thuốc khan hiếm phải nhập khẩu từ nước ngoài với giá tăng đột biến , không ổn định tác động lớn đến chi phí sản xuất và lợi nhuận của doanh nghiệp
- ❖ Liên quan Chi phí vay ngân hàng để đầu tư Tài sản cố định phục vụ sản xuất- kinh doanh của doanh nghiệp lớn do Vốn Điều lệ thấp sẽ bị bất cập do Quy định “Liên kết” của Bộ Tài chính!

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2022:

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### a) Trong năm 2022- năm thứ 3 của nhiệm kì HĐQT lần thứ 4 ( 2020-2025) ,

##### **Doanh nghiệp tiếp tục phải đối mặt với nhiều Khó khăn:**

- Khó khăn tồn tại về cạnh tranh thị trường, bất cập của các văn bản quản lí nhà nước theo Luật Dược hiện hành, chờ đợi ban hành các Thông tư hướng dẫn mới về đăng kí thuốc, đấu thầu, về sản xuất kinh doanh; công nợ kéo dài của hệ thống khám chữa bệnh; chi phí tài chính lớn do vốn điều lệ thấp.
- Biến động thị trường Tài chính quốc tế và hậu Covid thường xuyên tác động xấu đến VN- Trong đó có Ngành dược: Giá thành sản xuất dược phẩm luôn biến động do phần lớn nguồn nguyên liệu đưa vào sản xuất của Công ty chủ yếu phải nhập khẩu từ nước ngoài; Chi phí về bao bì vật tư, vận chuyển , giá điện nước, xăng dầu liên tục tăng dẫn đến giá thành sản phẩm của Doanh nghiệp rất khó giữ ổn định.
- Việc cấp số đăng ký – Gia hạn- Duy trì hiệu lực SDK ; Những khó khăn liên quan đến số đăng ký của doanh nghiệp là bất cập
- Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực dược theo hướng cắt, giảm điều kiện/thủ tục, giảm thời gian cấp phép tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động và phát triển chưa thỏa mãn với yêu cầu của Doanh nghiệp
- Khó khăn bất cập về Đấu thầu thuốc
- Việc kê khai lại giá thuốc còn rất nhiều khó khăn
- Khó khăn bất cập khi Thực hiện quản lí thuốc & NL làm thuốc kiểm soát cần dùng trong 1 số ngành- lĩnh vực; Về phân loại mã HS của Hải quan

#### b) Bên cạnh đó, Doanh nghiệp cũng có một số thuận lợi:

- Điều lệ và các Quy chế hoạt động Quản trị Nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát dược ban hành sửa đổi phù hợp với cơ cấu Tổ chức và đặc điểm tình hình hoạt động của DN
- Bộ máy tổ chức đã được cơ cấu lại theo Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kì 4 ( 2020-2025) ; Lãnh đạo quản lí Doanh nghiệp và đội ngũ cán bộ chủ chốt dám nghĩ dám làm
- Cơ sở vật chất kỹ thuật ( Nhà xưởng- Máy móc- Công cụ Nghiên cứu- Sản xuất- Quản lí chất lượng) tiếp tục được đầu tư bổ sung thêm đạt các chuẩn GPs, tạo điều kiện nâng cao chất lượng và tăng năng suất lao động



- Người lao động có ý thức tự giác, sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ sản xuất – kinh doanh; Bên cạnh Sự đoàn kết thống nhất, sự phối hợp lãnh đạo giữa Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, BCH Đảng ủy, BCH Công đoàn, sự hỗ trợ đóng góp tích cực của các cổ đông là những thuận lợi hết sức cơ bản của Công ty.

**c) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :**

- a. Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã cùng với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tìm kiếm cơ hội, phát triển thêm sản phẩm mới, phát triển sản xuất, nâng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 28 triệu SPQĐ với giá trị sản lượng 187 tỷ đồng đạt tỷ lệ 124%, vượt kế hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2020 đến 2025 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;
- b. Về tình hình kinh doanh:
  - Năm 2022 MPC đạt hơn 1.300 tỷ doanh thu, Trong đó nhóm hàng sản xuất tại DN đã có sự tăng trưởng khá lớn và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của MPC.
  - MPC đã tham dự và trúng thầu gói thầu quốc gia
  - Thị trường xuất khẩu cũng có bước phát triển và mở rộng ra khu vực Tây á, lần đầu tiên MPC có đơn hàng xuất khẩu hơn 1 triệu USD.
- c. Về công tác chất lượng, đào tạo, môi trường, an toàn lao động: Thực hiện đầy đủ theo các qui định của GMP cũng như các qui định khác của cơ quan chức năng.
- d. Công tác quản lý kinh tế - tài chính đã được kiện toàn, chi phí sản xuất, chi phí quản lý được kiểm soát và chi tiêu hợp lý, góp phần làm giảm giá thành cũng như tăng hiệu quả của hoạt động SXKD; công tác quản trị dòng tiền đã được giám sát chặt chẽ, đảm bảo vay và sử dụng đúng mục đích, và hiệu quả.
- e. Kết quả Sản xuất Kinh doanh:
  - Lợi nhuận trước thuế thực hiện vượt 103%;
  - Lợi nhuận sau thuế: Đạt 37%\_ do Doanh nghiệp phải điều chỉnh Chi phí thuế TNDN hiện hành kì trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kì này là: 7,263,674,190 VNĐ (Lí do điều chỉnh tại Quyết định của Cơ quan thuế theo quy định liên quan Nghị định của Bộ Tài chính về liên kết )

**d) Những thay đổi chủ yếu trong năm :**

- ✚ Ban hành mới các Quy chế Đầu tư doanh nghiệp
- ✚ Phát hành cổ phiếu để chi cổ tức năm 2021. Số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch tại HNX đã thay đổi sau khi phát hành cổ phiếu là : 7.455.406 cổ phiếu. Vốn Điều lệ thay đổi là 74.554.060.000 VNĐ
- ✚ Thay đổi Giấy đăng kí kinh doanh lần thứ 12 ngày 22/09/2022 sau khi tăng vốn Điều lệ và bổ sung Ngành nghề kinh doanh
- ✚ Bổ nhiệm thêm chức danh Quản lý chủ chốt: Giám đốc kinh doanh, Giám đốc Kế hoạch, Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



## e) Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Đ.V tính	Thực hiện 2021	KH 2022	TH 2022	So sánh thực hiện/KH
	1	2		5		6=5/4
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.294	980	1.331	136
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	16,292	15,500	15,908	103
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	3,281	3,100	11,358	366
4	Chi phí thuế DN hoãn lại:					
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	13,01	12,400	4,556	37

2. Tổ chức và nhân sự.

- a. Danh sách Ban điều hành/ (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác:

↓ Danh sách ban điều hành:

❖ Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IVCông ty CP Dược Medipharco bầu ra. Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành.
- Danh sách HĐQT như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Ghi chú
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản	Điều hành trực tiếp tại DN
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	Điều hành trực tiếp tại DN
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên độc lập không điều hành)	Không điều hành trực tiếp tại DN

❖ Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên do Đại Hội đồng cổ đông nhiệm kỳ IV Công ty CP Dược Medipharco bầu ra.
- Danh sách Ban kiểm soát như sau:



STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng ban Kiểm soát – Phó Giám đốc Chi nhánh Hà nội
2	Nguyễn Thị Phương Trâm	Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 4
3	Trương Thị Hạnh Phước	Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kì 4

↓ Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

❖ Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Phan Thị Minh Tâm
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/07/1956
Nơi sinh	Hải Phòng
Số CMTND	191508810 ngày cấp: 22/09/2014
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phú Vang, Thừa Thiên, Huế
Địa chỉ thường trú	106 Nguyễn Trường Tộ, thành phố Huế
Điện thoại liên lạc cơ quan	0234 3823 768
Điện thoại di động	0913425280
Trình độ văn hóa	10/10
Trình độ chuyên môn	Dược sĩ đại học - CKI
Trình độ lý luận	Cử nhân Chính trị
<b>Quá trình công tác</b>	
Từ năm 1978 – 1979	Cán bộ Sở Y tế Bình Trị Thiên
Từ năm 1978 – 1982	Bệnh viện Đông y Bình Trị Thiên
Từ năm 1982 – 1992	Phụ trách Nghiệp vụ, 1986: Phó Giám đốc Công ty dược phẩm Tp Huế
Từ năm 1992 – 1998	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Y tế Thừa Thiên Huế
Từ năm 2/1998 – 12/2005	Giám đốc Công ty Dược Trung ương Huế
Từ năm 01/2006 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần Dược MEDIPHARCO
Chức vụ hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	96.505 cổ phiếu
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Nguyễn Phan Xuân Anh - con ruột	450 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

## ❖ TVHDQT- Tổng giám đốc:

Họ và tên	Hoàng Ngọc Hoài Phong
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	16/08/1972
Nơi sinh	Thừa Thiên Huế
Số CMTND	191290276
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú	B6E Cao ốc Phú Thọ Thuận Việt, 319 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. HCM
Chỗ ở hiện tại:	34 Nội khu 2, KP Nam Viên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM
Điện thoại liên lạc cơ quan	0903674008
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Trình độ lý luận	Sơ cấp
<b>Quá trình công tác:</b>	
1994-2006	Kế toán trưởng chi nhánh Tp. HCM
2006-2008	Thành viên ban KS / Kế toán chi nhánh
2008-2010	Thành viên ban KS / Giám đốc chi nhánh
2010-2015	Thành viên HĐQT / Giám đốc chi nhánh
2015-2018	Trưởng ban KS / Giám đốc chi nhánh
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	625.266 cổ phiếu
Người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Vợ Mai Phương Thảo	37.631 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không



❖ **TVHDQT:**

Họ và tên	Nguyễn Văn Hoàng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/10/1974
Nơi sinh	Thanh hóa
Số CCCD	038074006046 ngày cấp 10/10/2021 Nơi cấp : Cục Cảnh sát quản lí Hành chính về trật tự xã hội
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Thanh hóa
Địa chỉ thường trú	Phòng B707 nhà CT1B , chung cư The Legend, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà nội
Điện thoại liên lạc và địa chỉ Email	0902252729_ email: hoang.tenamyd@yahoo.com
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Trình độ lý luận	Sơ cấp
<b>Quá trình công tác:</b>	
1997 - 2009	Nhân viên, Quản lý vùng, phụ trách kế toán miền bắc
2011 - 2015	Giám đốc kinh doanh mỹ phẩm
2015 - nay	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược MP Tenamyd – Chi nhánh Hà nội ,
2012 - T12/2018	Trưởng ban kiểm soát CTCP Liên doanh dược phẩm Medipharco Tenamyd BR s.r.l
Từ 23/4/2018- Nay	Thành viên HĐQT Medipharco
Chức vụ công tác hiện nay	Trưởng phòng nghiệp vụ công ty CP dược Vi Anh– Chi nhánh Hà nội Thành viên HĐQT Medipharco
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số lượng cổ phiếu thuộc sở hữu cá nhân	1.131.196 cổ phiếu
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

❖ **Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT và Ban kiểm soát:** Thay đổi như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2022		30/12/ 2022	
			Số CP	Tỷ lệ %	Số CP	Tỷ lệ %
A	<u>Hội đồng quản trị</u>					
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	85.403	1,29	96.505	1,29
2	Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên	553.334	8,39	625.266	8,39
3	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	1.001.059	15,17	1.131.196	15,17
B	<u>Ban Kiểm soát:</u>					
1	Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban	1.059	0.016%	1.196	0.016%
2	Nguyễn Phương Trâm	Thành viên	670.772	10,17%	757.972	10,17%
3	Trương thị Hạnh Phước	Thành viên	0	0%	0	0%

b. Những thay đổi trong ban điều hành: Không thay đổi!

c. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

⬇ Tổng số lao động có đến 31/12/2022: 202 người

⬇ Chính sách đối với người lao động:

- Công ty thực hiện việc ký kết hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng quy định của pháp luật
- Xây dựng và thực hiện Quy chế lương trong toàn Công ty theo đúng quy định.
- Tổ chức đào tạo (tự đào tạo, cử đi đào tạo), kiểm tra đánh giá kiến thức, tay nghề, kỹ năng hàng năm cho CBCNVLD.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ và khám bệnh nghề nghiệp theo đúng quy định.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn: :

Đầu tư Thiết bị phục vụ công tác Kiểm tra chất lượng và Nghiên cứu và Thiết bị sản xuất với tổng giá trị Khoảng **1,6 tỷ đồng** ( Đã giải ngân và đưa vào sử dụng & Hạch toán)

b) Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết: Tại thời điểm Báo cáo Thường niên 31/12/2020, CTCP Medipharco không có công ty Con và Công ty Liên kết!



#### 4. Tình hình tài chính:

##### a) Tình hình tài chính: :

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm/ %
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	440,572,796,158	516,630,216,471	117
Doanh thu thuần/Net revenue	1,293,982,052,120	1,328,549,522,763	103
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities	15,734,967,765	19,751,330,359	126
Lợi nhuận khác/ Other profits	557,317,342	668,564,723	120
Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	16,292,285,107	15,908,090,587	98
Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	13,010,502,882	4,556,912,522	35
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio	1708	612	36

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất: Không có!

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú/Note
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,1932	1,1493	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> Short term Debt	0,6501	0,7739	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	0,80	0,82	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	3,98	4,77	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/			

Chỉ tiêu/ Benchmarks	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú/Note
Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)	5,91	6,77	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Net revenue/ Total Assets)	2,94	2,58	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability:			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,0101	0,0119	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	0,1471	0,1778	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Operating profit/ Net revenue Ratio)	0,0122	0,0148	

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

##### a. Cổ phần: Có thay đổi!

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Đầu năm 2022	31/12/2022	Ghi chú
1	Tổng số cổ phần:	Cổ phần	6.598.367	7.455.406	
2	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Cổ phần	6.593.767	7.450.806	
3	Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật:	Cổ phần	4.600	4.600	
	Cổ phiếu quỹ	Cổ phần	4.600	4.600	
	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng 1 năm	Cổ phần		0	

##### b. Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác: :



TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	Tỷ lệ sở hữu đến 31/12/2021	Tỷ lệ sở hữu đến 30/12/2022	Ghi chú
1	Cổ đông lớn ( $\geq 5\%$ )	%	57,67	57,67	Theo công bố của VSD tại ngày 30/12/2022
2	Cổ đông nhỏ ( $< 5\%$ )	%	42,33	42,33	
3	Cổ đông tổ chức	%	10,53	10,53	
4	Cổ đông cá nhân	%	89,47	89,47	
5	Cổ đông trong nước	%	99,92	99,92	
6	Cổ đông nước ngoài	%	0,08	0,08	
7	Cổ đông Nhà nước	%	0	0	

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có!

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- ✚ Số lượng cổ phiếu quỹ: 4.600 cổ phiếu
- ✚ Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm: Không có!

e. Các chứng khoán khác: Không có!

## 6. Báo cáo tác động liên quan đến Môi trường và xã hội của công ty:

### 6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

✚ **Tổng số Nguyên phụ liệu đã sử dụng để sản xuất :**

- + NPL: 320.100,00 kg
- + Dịch chiết + Rượu + cồn : 73.500,00 lít
- + Nang: : 32.615.000,00 cái

✚ **Tổng số lượng Bao bì đóng gói trong sản xuất :**

- + PVC + Nhôm + màng co... : 106.675,00 kg
- + Tube + Hộp + Toa + Thùng + Nhãn.. : 37.670.000,00 cái

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Điện: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 1.732.600 KW/ năm

✚ Tiêu thụ điện trực tiếp cho sản xuất: 1.386.080 kw

✚ Tiêu thụ điện gián tiếp (văn phòng): 346.520 Kw

b. Tiêu thụ nước:

✚ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- + Nguồn cung cấp nước: Công ty cấp thoát nước tỉnh Thừa Thiên Huế
- + Số lượng nước đã sử dụng: 11.058 m<sup>3</sup>/Năm



✓ Tiêu thụ nước trực tiếp cho sản xuất: 10.649 m<sup>3</sup>/Năm

✓ Tiêu thụ nước gián tiếp (văn phòng): 409 m<sup>3</sup>/Năm

✚ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có!

c. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có!

d. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này : Không có!

#### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có!

#### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

✚ Số lao động trung bình trong năm 2022: 200 người

✚ Mức lương và thu nhập trung bình 2022: 9 triệu đồng/ tháng

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

✚ Xây dựng & Ban hành & Sửa đổi Bộ quy chế doanh nghiệp để xác định quyền hạn- nghĩa vụ- quyền lợi của người lao động trong doanh nghiệp bao gồm: Thỏa ước lao động tập thể; Nội quy lao động; Quy chế Lương; Quy chế dân chủ;

✚ Kí kết hợp đồng lao động và thực hiện chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm tai nạn... theo đúng quy định hiện hành

✚ Áp dụng & ban hành chế độ bồi dưỡng độc hại; Thực hiện các quy định liên quan An toàn vệ sinh lao động, Phòng chống cháy nổ, Khám sức khỏe định kì

✚ Trích quỹ phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo NQ ĐHCĐTN hàng năm để chi cho các hoạt động văn thể mỹ, hiếu hi, nghỉ dưỡng, thưởng các cá nhân có đóng góp xây dựng & phát triển doanh nghiệp....

c. Hoạt động đào tạo người lao động.

✚ Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm: Trung bình # 1.200 giờ/năm

✚ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

- Đào tạo ban đầu về Hồ sơ tổng thể, nội quy quy định, GMP Công ty cho các nhân viên mới tuyển dụng

- Đào tạo kỹ năng vận hành thiết bị sản xuất & Pha chế tại các xưởng .

- Đào tạo tại các nội dung: GPs, Kỹ năng quản trị, Phòng cháy chữa cháy. Gửi đi đào tạo về kiểm soát môi trường & vi sinh; tập huấn về Nghị định /Thông tư hướng dẫn Luật dược; Đào tạo về TT Đăng kí thuốc, Quản lí thuốc KSDB, Quản lí Đấu thầu, .... Cho gần 300 lượt người

#### 6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:



Tham gia Ủng hộ các quỹ Xóa đói giảm nghèo, quỹ khám chữa bệnh cho bệnh nhân nghèo, Quỹ xây dựng nhà tình thương, Quỹ ủng hộ khắc phục cho đồng bào tại các vùng bị thiên tai, Trẻ em mồ côi:

✚ Ủng hộ các hộ nghèo tại xã Phú sơn- Huyện Hương thủy theo phân công của UBND tỉnh: 2 triệu đồng

✚ Kết nghĩa với đồn biên phòng cửa khẩu Hồng Vân- Huyện A lưới – TT Huế.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có!

## II. Báo cáo và đánh giá của Tổng Giám đốc:

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### a) Thực hiện các chỉ tiêu sản xuất – KD năm 2022 :

TT	Diễn giải	Đơn vị tính	TH năm 2021	KH năm 2022	TH năm 2022	So sánh %	
						6=5/3	7=5/4
	1	2	3	4	5		
1	Doanh Thu SX	Tr. đồng	120	133	197	164	148
2	Tổng giá trị bán ra	Tỷ đ	103	180	271	263	151

#### b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch: :

TT	Chỉ tiêu	Đ.V tính	Thực hiện Năm 2021	KH năm 2022	TH 2022	So sánh thực hiện/KH
1	Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	1.294	980	1.331	136
2	Tổng lợi nhuận trước thuế	-	16,292	15,500	15,908	103
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	3,281	3,100	11,358	366
4	Chi phí thuế DN hoãn lại:					
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	-	13,01	12,400	4,556	37

#### c) Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm :

✚ Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã cùng với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn, tìm kiếm cơ hội, phát triển thêm sản phẩm mới, phát triển sản xuất, nâng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 28 triệu SPQĐ với giá trị sản lượng 187



tỷ đồng đạt tỷ lệ 151%, vượt kế hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2020 đến 2025 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;

✚ Về tình hình kinh doanh:

- Năm 2022 MPC đạt hơn 1.300 tỷ doanh thu, Trong đó nhóm hàng sản xuất tại DN đã có sự tăng trưởng khá lớn (1,5 lần so với năm 2022) và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của MPC.
- MPC đã tham dự và trúng thầu gói thầu quốc gia
- Kinh doanh Xuất Nhập khẩu đã được tập trung phát triển mở rộng; Tìm-Đánh giá được thêm nhiều nhà cung cấp nguồn Nguyên liệu cho nghiên cứu, Sản xuất; Đồng thời tăng cường hợp tác nghiên cứu đăng kí thuốc, tổ chức tiếp nhận đơn hàng- Sản xuất và đáp ứng nhu cầu Xuất khẩu hàng hóa; Duy trì đối tác Xuất khẩu truyền thống tại Myanmar, Nhật bản, đồng thời phát triển đối tác có tiềm năng tại thị trường Tây Á ( Uzebeckistan; Kidystan, Azecbaijan, Gioegia) ; Tổng Thuốc đăng kí nước ngoài được cấp còn hiệu lực đến 2022 là 49 thuốc; Lần đầu tiên MPC có đơn hàng xuất khẩu hơn 1 triệu USD.

✚ Về công tác chất lượng, đào tạo, môi trường, an toàn lao động: Thực hiện đầy đủ theo các qui định của GMP cũng như các qui định khác của cơ quan chức năng. Tham gia góp ý- đề xuất kiến nghị liên quan đến các sửa đổi& Bổ sung& Ban hành các văn bản pháp quy trong Sản xuất- Kinh doanh Ngành Dược của các cơ quan quản lí Nhà nước!

✚ Đặc biệt Công tác Nghiên cứu sản phẩm mới và lập Hồ sơ đăng kí thuốc đã có bước tăng trưởng đáng kể Trong năm 2022 bộ phận NCPT đã được doanh nghiệp chú trọng để thúc đẩy tiến độ. Được cấp mới trong nước: 13 sản phẩm thuốc và 04 sản phẩm Mỹ phẩm; Trong đó chủ yếu là thuốc tham gia đấu thầu ETC ; SDK thuốc mới cấp tại nước ngoài là 10 thuốc

✚ Công tác quản lý kinh tế - tài chính đã được kiện toàn, chi phí sản xuất, chi phí quản lý được kiểm soát và chi tiêu hợp lý, góp phần làm giảm giá thành cũng như tăng hiệu quả của hoạt động SXKD; công tác quản trị dòng tiền đã được giám sát chặt chẽ, đảm bảo vay và sử dụng đúng mục đích, và hiệu quả.

✚ Kết quả Sản xuất Kinh doanh:

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện vượt 103%;
- Lợi nhuận sau thuế: đạt 37%/KH 2022

## 2. Tình hình tài chính: :

### a) Tình hình tài sản:

Thời gian	Tổng tài sản	Tài sản ngắn hạn	Tài sản dài hạn
Số đầu năm	440,572,796,158	410,451,270,778	30,121,525,380
Số cuối năm	516,630,216,471	490,993,163,199	25,637,053,272



Số dư phải thu khách hàng cuối năm (31-12-2022) là 292 tỷ đồng trong đó nợ quá hạn chưa đòi là 2,584 tỷ đồng chiếm 0,88 %. Công ty đã trích lập dự phòng nợ khó đòi là 2,825 tỷ đồng

#### b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Tại thời điểm 31/12/2022, nợ ngắn hạn là 427,189,324,059; Chủ yếu là nợ phải trả người bán và nợ vay ngân hàng ngắn hạn.

Thời gian	Nợ ngắn hạn	Phải trả người bán	Vay Ngân hàng
Số đầu năm	343,976,844,181	28,820,977,746	308,164,859,254
Số cuối năm	427,189,324,059	54,812,760,827	341,864,834,975

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

Trong năm, Công ty có phát sinh hoạt động nhập khẩu – xuất khẩu. xuất khẩu và có phát sinh ngoại tệ và ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá ngoại tệ là không đáng kể.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- ❖ Nâng cao Ứng dụng phần mềm Base platform online để tổ chức công việc và phân bổ nguồn lực giúp cho công tác quản lý điều hành- Phân quyền- Phối hợp- Theo dõi tiến độ thực hiện - Đánh giá hiệu quả .... của từng hoạt động , từng đơn vị, từng cá nhân một cách chặt chẽ - linh hoạt – dễ dàng- hiệu quả
- ❖ Quản trị Nhân sự:
  - Bổ sung thêm chức danh quản lý Giám đốc các khối ( SX-KD-Chất lượng-Kế hoạch) và tiếp tục bổ nhiệm kiện toàn Phụ trách quản lý các ĐV trực thuộc ; Bổ nhiệm mới theo hướng trẻ hóa đội ngũ cán bộ chủ chốt cùng với giao trách nhiệm cao nhất cho từng cá nhân theo từng vị trí đảm nhiệm và đánh giá hiệu quả về số lượng- Chất lượng- Thời gian thực hiện của từng nội dung!
  - Tiếp tục tăng cường nhân lực cho bộ phận nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, tuyển dụng & đào tạo tay nghề lao động trực tiếp vận hành thiết bị SX tại Xưởng
- ❖ Tiếp tục Xây dựng Chiến lược sản phẩm& Chiến lược Giá& Chính sách bán hàng &các chương trình Quảng cáo & Khuyến mãi & Triển khai dự án kinh doanh nhóm sản phẩm mới , bán hàng Online....
- ❖ Ban hành Quy chế đầu tư; Tiếp tục bổ sung, sửa đổi và ban hành lại Quy chế Lương cho phù hợp các quy định hiện hành – đồng thời phù hợp với Mục tiêu – Định hướng phát triển- Chi tiêu kế hoạch và giải pháp thực hiện



- ❖ Triển khai Mở rộng các Ngành nghề Kinh doanh đã đăng kí bổ sung trong năm 2022.
- ❖ Mở rộng nuôi trồng- Chế biến- Tạo thêm sản phẩm đi từ nguồn gốc Thảo dược với mô hình Trại dược liệu gắn với hoạt động sản xuất- Kinh doanh của DN
- ❖ Quản trị Tài chính: Tăng cường các giải pháp quản lí Công nợ, Tối ưu hóa Dòng Tiền để bảo đảm các điều kiện và Chỉ số theo quy định và cam kết Hợp đồng tín dụng đã và sẽ kí lai với các ngân hàng thương mại; Hợp nhất phần mềm Asian quản trị tài chính kế toán toàn công ty; Thực hiện báo cáo đánh giá quản trị nội bộ hàng quý/năm để kịp thời có các giải pháp xử lí bất cập phát sinh...

**4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:** Xây dựng kế hoạch 2023 và kế hoạch trong các năm tới Theo Mục tiêu của HĐQT nhiệm kì 4 ( 2020-2025) đã thông qua và Mục tiêu- định hướng phát triển của HĐQT năm 2023 ( Tại mục IV.3 của báo cáo này!)

#### 4.1/ Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023:

TT	CHỈ TIÊU	ĐV tính	TH 2022	2023 Trình ĐHĐCĐ	Ghi chú
A-	TỔNG DOANH THU	Tỷ Đ	1.331	980	
I/	Hàng Sản xuất:		271	263	
II/	Hàng Kinh doanh		1.057	717	
B-	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUÊ	Tỷ Đ	15,908	19,5	
C-	THUÊ TNDN HIỆN HÀNH	Tỷ Đ	11,351	3,9	
D-	LN SAU THUÊ:	Tỷ Đ	4,556	15,6	
E-	CỔ TỨC DỰ KIẾN	%	Dự kiến 5%	Tối thiểu 10%	

#### 4.2/ PHƯƠNG ÁN - GIẢI PHÁP CƠ CẤU LẠI SX-KD CƠ BẢN TRỌNG TÂM 2022:

- a) Tổ chức – Lao động- Tiền lương – BHXH- Đào tạo:
- ❖ Tiếp tục Cung cố- Đào tạo toàn diện kĩ năng Quản lí điều hành- chuyên môn kĩ thuật- GPs.... cho Nhân sự quản lí( HĐQT- TGĐ- Giám đốc các Bộ phận- Trưởng các đươn vị ) đủ sức điều hành đổi mới doanh nghiệp theo hướng gọn nhẹ và mang lại hiệu quả cao nhất cho cổ đông và người lao động!
  - ❖ Tuyển dụng lao động trực tiếp để bảo đảm phương án SX tăng ca , đáp ứng chỉ tiêu tối thiểu 32 triệu SPQĐ và Nhân lực bảo đảm Chiến lược nghiên cứu sản



- phẩm mới
- ❖ Thực hiện Quy chế Lương , Thương – Nội quy lao động- Thỏa ước lao động đã sửa đổi ban hành và đăng kí đóng BHXH theo quy định hiện hành;
- b) Tiếp tục đầu tư mọi nguồn lực và xây dựng các phương án & Giải pháp đồng bộ nhằm phát triển Sản xuất, giảm Giá thành , Giá bán , bảo đảm cạnh tranh trên thị trường và Mở rộng Xuất khẩu:
- ❖ Phân đấu tổng sản phẩm quy đổi (SPQĐ) sản xuất năm 2023 sẽ tăng trưởng theo Mục tiêu của Nhiệm kì 4 nhằm đạt tối thiểu **32 triệu SP/năm**
  - ❖ Khảo sát – Đánh giá- Tổng hợp công suất Thiết bị , Linh kiện thực trạng toàn bộ 3 Nhà máy để tổng hợp năng lực sản xuất Khả thi của từng dạng bào chế tối đa ( theo 1 ca, 1.5 ca, 2 ca SX) ; Từ đó Phân tích , xây dựng phương án & Giải pháp liên quan Đầu tư/Nâng cấp/Sửa chữa/ Bổ sung thêm một số thiết bị sản xuất, đóng gói , hệ thống phụ trợ , Nhân lực .... để đáp ứng chỉ tiêu 32 triệu SPQĐ và phân đấu chỉ tiêu 38 triệu SPQĐ ; Khảo sát Ban hành lại và ban hành mới định mức Kinh tế kỹ thuật và lao động nhằm tăng năng lao động - giảm chi phí và hạ Giá thành sản phẩm!
  - ❖ Đào tạo nâng cao tay nghề , kỹ năng cho lực lượng lao động trực tiếp
- c) Nghiên cứu Giải pháp Kinh doanh và phát triển thị trường trên nguyên tắc ưu tiên phát triển kinh doanh nhóm hàng sản xuất tại doanh nghiệp
- d) **Giải pháp về Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới 2023 :**
- ❖ Tiếp tục mục tiêu Tập trung mọi nguồn lực, hợp tác toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm mới tạo bước chuyển đổi căn bản về doanh thu & lợi nhuận; Xây dựng chiến lược sản phẩm- chiến lược thị trường đồng bộ; Khai thác tối đa công suất sản xuất tại các dây chuyền
  - ❖ Triển khai Nâng cấp mở rộng đồng bộ khu vực Nghiên cứu phát triển ( Khu vực Pilot; Thiết bị nghiên cứu; Nghiên cứu Độ ổn định.....;
  - ❖ Triển khai thực hiện giải pháp hữu hiệu từ nghiên cứu thị trường, Nghiên cứu Mô hình bệnh tật và Nhu cầu Thuốc , Dịch tễ, Công nghệ bào chế các dạng Thuốc tiên tiến; Nhóm sản phẩm bảo vệ sức khỏe và phòng chống dịch bệnh ....để đẩy nhanh tốc độ Nghiên cứu sản phẩm mới (NCSPM) ; Xây dựng Hồ sơ Đăng kí thuốc có chất lượng; Bảo đảm tính khả thi và hiệu quả khi triển khai sản xuất- phân phối sản phẩm
  - ❖ Nghiên cứu Hợp tác nghiên cứu Thử Lâm sàng thuốc mới và Thử Tương đương sinh học Thuốc theo quy định
  - ❖ KH nghiên cứu sản phẩm mới 2023 như sau:
    - Đăng kí Thuốc trong nước: 56 sản phẩm
    - Đăng kí thuốc nước ngoài : Tiếp tục hoàn thiện 42 Hồ sơ sản phẩm đã và đang tiến hành ĐK tại nước ngoài!
- e) **Hệ thống quản lí chất lượng:** Tiếp tục:
- ❖ Kiện toàn , đào tạo bổ sung cho hệ thống quản lí chất lượng ; Tiếp tục Duy trì đảm bảo mọi hoạt động tại Công ty tuân thủ các yêu cầu theo quy định các thực hành tốt GPs và các quy định hiện hành liên quan hoạt động Sản xuất- Kinh doanh- XNK



- ❖ Chuẩn bị tái thanh tra GPs định kì 3 năm, Hoàn thành bổ sung khắc phục phần cứng và hồ sơ quản lí, nộp Hồ sơ xin kiểm tra cấp giấy chứng nhận GPs vào đầu tháng 10/2023 và Tái Thanh tra trong quý 4/2023 để được cấp lại Giấy chứng nhận GPs vào tháng 1/2024
- ❖ Tiếp tục xem xét Phương án Đầu tư nâng cấp cơ sở ( Nhà máy , Hệ thống phụ trợ, Khu vực Vi sinh, Phòng RD) và bổ sung , thay thế một số thiết bị trọng yếu theo kết quả khảo sát đáng giá tổng hợp công suất toàn nhà máy để đáp ứng quy định GMP, bảo đảm và nâng cao chất lượng hàng hóa sản xuất , phát triển sản phẩm mới tại doanh nghiệp; Đồng thời tăng công suất sản xuất tối thiểu 32 triệu SPQĐ năm 2022

#### 4.3/ Công tác Tài chính Kế toán:

- ❖ Quản lí công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần. Thực hiện quy định đã ban hành tại Bộ quy chế công ty,
- ❖ Quản trị Tài chính:
  - Kí kết lại hợp đồng tín dụng 2023 tại các ngân hàng; Tăng cường các giải pháp quản lí Công nợ, Tối ưu hóa Dòng Tiền để bảo đảm các điều kiện và Chỉ số theo quy định và cam kết Hợp đồng tín dụng đã và sẽ kí lai với các ngân hàng thương mại;
  - Áp dụng có hiệu quả phần mềm quản lí kinh tế tài chính- Hàng hóa đã hợp nhất tại tất cả các đơn vị trực thuộc
  - Thực hiện báo cáo phân tích quản trị nội bộ theo quy định hàng Quý, 6 tháng, 9 tháng và năm cho HĐQT

#### 4.4/ Đầu tư phát triển:

- ❖ Tiếp tục Đầu tư nâng cấp cơ sở ( Nhà máy, hệ thống phụ trợ, Khu vực Vi sinh, RD) và bổ sung một số thiết bị trọng yếu cho Nghiên cứu, Sản xuất đã phê duyệt năm 2022;
- ❖ Trình ĐHCĐTN phê duyệt kế hoạch đầu tư năm 2023 trên cơ sở Kết quả Khảo sát – Đánh giá- Tổng hợp công suất Thiết bị , Linh kiện thực trạng toàn bộ 3 Nhà máy để tổng hợp năng lực sản xuất Khả thi của từng dạng bào chế tối đa ( theo 1 ca, 1.5 ca, 2 ca SX) .... để đáp ứng chỉ tiêu 32 triệu SPQĐ và phần đầu chỉ tiêu đạt 38 triệu SPQĐ ;

#### 4.5/ Thực hiện quy chế dân chủ tại Công ty:

- ❖ HĐQT, Ban TGD, Ban CHĐU, BCHCĐ tiếp tục phối hợp thực hiện Quy chế dân chủ đã ban hành theo nghị định 149/2018/NĐ-CP ngày 7/11/2018 của Chính phủ.
- ❖ Tiếp tục thực hiện các công tác xã hội, từ thiện theo chủ trương của Đảng, Chính phủ và các ban ngành từ TW đến địa phương.

#### 4.6/ Triển khai Thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐTN 2023 sẽ được biểu quyết thông qua



**5. Giải trình của Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) và Giải trình Lợi nhuận Thực hiện 2022 so với năm trước theo quy định của Chứng khoán:**

✚ Về việc lợi nhuận năm nay giảm so với lợi nhuận năm trước nguyên nhân do Doanh nghiệp phải điều chỉnh Chi phí thuế TNDN hiện hành kì trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2022 là: 7,263,674,190 VNĐ (Lí do điều chỉnh do nộp thuế bổ sung 3 năm ( 2019,2020,2021) tại Quyết định của Cơ quan thuế do xác định có giao dịch liên kết theo quy định của Bộ Tài chính

✚ Chi tiết giải trình: Đính kèm Báo cáo thường niên!

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.**

**a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải:** Thực hành tiết kiệm điện, Nước; Tuân thủ các quy định liên quan Vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường

**b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:** Đã bảo đảm việc làm, đời sống, thu nhập, phát huy quyền dân chủ của người lao động; Thực hiện đúng & đủ các quy định liên quan đến nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo Luật định

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:** Đã tham gia và làm tốt nghĩa vụ của Doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương. Mở rộng sản xuất để thu hút thêm lao động trên đại bàn TT Huế

**III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần):**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:**

- ✚ Trong bối cảnh rất khó khăn như đã đề cập ở trên, Hội đồng quản trị đã cùng với Tổng giám đốc, BCH Đảng bộ- BCH Công đoàn và các cổ đông cùng người lao động trong doanh nghiệp vượt qua khó khăn , tìm kiếm cơ hội, phát triển thêm sản phẩm mới, phát triển sản xuất- kinh doanh , thực hiện cơ bản đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông
- ✚ Đặc biệt, năm 2023 đã nâng Tổng sản phẩm quy đổi nhóm hàng sản xuất tại DN lên con số 28 triệu SPQĐ với giá trị sản lượng 187 tỷ đồng đạt tỷ lệ 124%, vượt kế hoạch mục tiêu của đại hội đồng cổ đông định hướng từ 2020 đến 2025 để duy trì việc làm- đời sống – Thu nhập của người lao động;
- ✚ Đã thực hiện và mang lại hiệu quả tích cực từ cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý theo đúng định hướng của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT
- ✚ Thực hiện có hiệu quả về mục tiêu tập trung Nghiên cứu sản phẩm mới chiến lược sản phẩm nhóm hàng sản xuất tại DN
- ✚ Cùng cố duy trì hoạt động của hệ thống quản lí chất lượng theo chuẩn mực GPs và ISO
- ✚ Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với nhà nước, cộng đồng địa phương, bảo vệ môi trường



- ✦ Tuy nhiên, do Doanh nghiệp phải điều chỉnh Chi phí thuế TNDN hiện hành ki trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2022 là: 7,263,674,190 VND (Lí do điều chỉnh do nộp thuế bổ sung 3 năm ( 2019,2020,2021) tại Quyết định của Cơ quan thuế do xác định có giao dịch liên kết theo quy định của Bộ Tài chính nên mặc dù Lợi nhuận trước thuế vượt 103% /Kế hoạch nhưng Lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 37%/KH 2022 ( Có Giải trình đính kèm Báo cáo thường niên!)

### 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Giám đốc công ty:

- b. Tổng giám đốc ( TGD) đã Thực hiện đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua. Thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công trong HĐQT cũng như phân công & phối hợp giữa Chủ tịch HĐQT và TGD
- c. Đã thực hiện ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng Điều lệ và pháp luật hiện hành; Có các biện pháp Quản lý chặt chẽ Công nợ và thực hiện cơ bản đạt các chỉ số, điều kiện của các hợp đồng tín dụng đã kí kết với các Ngân hàng thương mại năm 2022
- d. Đã kiến nghị với HĐQT tiếp tục bổ sung kiện toàn cơ cấu tổ chức, Bổ nhiệm thêm các chức danh Giám đốc các bộ phận trọng yếu : GD kế hoạch-Kinh doanh- Sản xuất- Chất lượng để phân cấp và nâng cao năng lực , trách nhiệm quản lý điều hành các hoạt động; Bổ sung & Kiến nghị trình HĐQT phê duyệt & ban hành Quy chế Đầu tư, Quy chế Lương và mức lương, thù lao, các lợi ích , các điều khoản khác của hợp đồng lao động với tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty kể cả Người quản lý thuộc thẩm quyền quản lý của mình; Tiếp tục Sửa đổi bổ sung Quy chế Quản lý Kinh tế Tài chính, Quy chế hoạt động của các Chi nhánh ....
- e. Đã thực hiện Báo cáo quản trị nội bộ, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng/ quý/ 6 tháng, 9 tháng và năm 2022 đúng quy định hiện hành của Điều lệ và Quy chế QTNB của DN. Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2023 để trình hội đồng quản trị phê chuẩn đúng tiến độ. Phối hợp Chủ tịch Công đoàn Mở Hội nghị người lao động để Triển khai kế hoạch năm 2023 theo đúng quy định hiện hành.
- f. Tổng giám đốc đã phối hợp tốt với Ban chấp hành công đoàn và các đoàn thể chính trị trong doanh nghiệp trong việc lấy ý kiến góp ý để xây dựng và thực hiện đúng Thỏa ước lao động, Nội quy lao động, Quy chế Lương, Quy chế quản lý kinh tế tài chính ... để bảo vệ lợi ích chính đáng , hài hòa của người lao động, lợi ích của cổ đông và của nhà nước
- g. Đã thực hiện đúng quy định về báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Báo cáo định kì và đột xuất theo yêu cầu cho các cơ quan quản lý nhà nước theo đúng quy định hiện hành
- h. Tuy nhiên, cần lưu ý thêm Tiến độ thực hiện công tác Đầu tư sau khi được ĐHCĐTN và HĐQT phê duyệt còn chậm!



### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2023:

- ✚ Thực hiện mục tiêu chung của Ngành Dược Việt nam là: *Xây dựng ngành dược VN phát triển ngang tầm các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, chú trọng phát triển công nghiệp dược theo hướng hiện đại, hướng tới sản xuất các thuốc phát minh, thuốc có dạng bào chế hiện đại. Đồng thời đảm bảo mục tiêu xuyên suốt là cung ứng đầy đủ, kịp thời thuốc bảo đảm chất lượng, giá cả hợp lí và an toàn, hiệu quả phục vụ nhu cầu phòng và điều trị bệnh của người dân*
- ✚ Tiếp tục Các mục tiêu chủ yếu và Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty : Theo Mục tiêu và chiến lược của HĐQT nhiệm kì 4 ( 2020-2025) đã thông qua
- ✚ Tiếp tục kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt của DN , đổi mới công tác Quản trị Nhân sự nhằm đáp ứng công tác quản lí điều hành hoạt động Sản xuất, Kinh doanh và quản lí chất lượng của doanh nghiệp.
- ✚ Xây dựng, Tăng cường các giải pháp quản lí Công nợ, Tối ưu hóa Dòng Tiền để bảo đảm các điều kiện và Chỉ số theo quy định và cam kết Hợp đồng tín dụng đã và sẽ kí với các ngân hàng thương mại; Tăng cường quản lí giám sát chi phí Sản xuất- Kinh doanh để bảo đảm Giá hàng Sản xuất- Kinh doanh- Xuất khẩu cạnh tranh được trên thị trường OTC ,ETC và Xuất khẩu tại nước ngoài!
- ✚ Tiếp tục Xây dựng & Thực hiện chiến lược sản phẩm mới, tăng cường Hợp tác Nghiên cứu phát triển sản xuất - kinh doanh với hoạt chất mới trong điều trị bệnh, Thuốc có công nghệ bào chế mới phù hợp dây chuyền và công nghệ sản xuất hiện có của DN
- ✚ Xem xét phê duyệt Đầu tư phát triển Cơ sở- Máy móc thiết bị linh kiện, Nhân lực trên cơ sở Kết quả Khảo sát – Đánh giá- Tổng hợp công suất Thiết bị , Linh kiện thực trạng toàn bộ 3 Nhà máy để xác định năng lực sản xuất Khả thi của từng dạng bào chế tối đa .... để đáp ứng chỉ tiêu 32 triệu SPQĐ và phần đầu chỉ tiêu đạt 38 triệu SPQĐ; Tăng cường công tác quản lí đầu tư và thúc đẩy tiến độ đầu tư theo đúng Điều lệ hiện hành và “Quy chế Quản lí Dự án Đầu tư” của Doanh nghiệp
- ✚ Phối hợp toàn diện với các đối tác trong và ngoài nước để nghiên cứu phát triển sản phẩm; Đăng kí lưu hành thuốc nước ngoài; Hợp tác mở rộng thị trường xuất khẩu tại khu vực các nước Châu Phi; Đông nam Á; Tây á...Duy trì và nâng kim ngạch xuất khẩu tối thiểu 1,7 triệu USD/năm

## IV. Quản trị công ty.

### 1. Hội đồng quản trị.

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- ✚ Thành viên và cơ cấu tại thời điểm 31/12/2022: Không thay đổi! Hội đồng quản trị gồm có 03 thành viên -Trong đó có 01 thành viên độc lập không trực tiếp điều hành, 02 thành viên trực tiếp điều hành công ty

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh là TV HĐQT tại công ty khác



STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh là TV HĐQT tại công ty khác
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch Hội đồng quản trị	1,29	Không
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	8,39	Không
5	Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành trực tiếp)	15,17	Không

↓ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít: 3 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên theo NQ số 01/HĐQN-NK4 ngày 12/05/2020

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- ↓ HĐQT đã tuân thủ quy định tại Điều lệ về việc tổ chức họp và ban hành Nghị quyết. HĐQT đã tổ chức các phiên họp định kỳ và đột xuất, có sự tham dự mở rộng của Ban kiểm soát để ban hành các Nghị quyết, Quyết định, Quy định, Phương án, giải pháp điều hành quản lý hoạt động của công ty cổ phần.

Cụ thể: 2022: Đã Ban hành Nghị quyết về:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Số 01/2022/NQ/HĐQT-NK4	05/01/22	<ul style="list-style-type: none"> <li>Phê duyệt Tạm ứng Tiền mặt phục vụ Sản xuất-Kinh doanh năm 2022</li> </ul>	100%
2	Số 02/2022/NQ/HĐQT	02/03/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng quản trị biểu quyết 100% thống nhất thông qua Báo cáo kết quả SX-KD 2021 đã được kiểm toán của Medipharco</li> <li>Thống nhất Thông qua Kế hoạch- Chương trình- Nội dung - Tiến độ Phân công chuẩn bị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ( ĐHCĐTN) năm 2022</li> <li>Thông qua Báo cáo thường niên năm 2021</li> </ul>	100%
3	Số 03/2022/NQ/HĐQT	08/04/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>Hội đồng quản trị thống nhất PHƯƠNG ÁN VAY VỐN TẠI VIETINBANK TT.HUẾ năm 2022</li> </ul>	100%



Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
4	Số 04/2022/NQ/HĐQT	21//04/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thống nhất kế hoạch công tác triển khai Nghị quyết của ĐHCĐTN đã thông qua ngày 19/04/2022 ;</li> <li>• Quy hoạch Bộ máy Tổ chức và Nhân sự Quản lí</li> </ul>	100%
	Số 05/2022/NQ/HĐQT	12/05/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>• V/V Bổ nhiệm cán bộ quản lí chủ chốt của Doanh nghiệp</li> </ul>	100%
6	Số 06/2022/NQ/HĐQT	24/05/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thống nhất lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông v/v Sửa Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và bổ sung phương án phát hành chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021 bằng hình thức biểu quyết bằng văn bản</li> </ul>	100%
7	Số 07/2022/NQ/HĐQT	07/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Đầu tư Khu vực vi sinh – Quản lí chất lượng ( Đợt 1/2022)</li> </ul>	100%
8	Số 08/2022/NQ/HĐQT	Lùi ban hành đến 1/8/22	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Chủ trương Bổ sung ngành nghề kinh doanh bằng lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông bằng văn bản</li> </ul>	100%
9	Số 09/2022/NQ/HĐQT	24/06/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua việc Đầu tư Máy Đóng tube ( Đợt 2/2022)</li> </ul>	100%
10	Số 10/2022/NQ/HĐQT	01/07/21	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Phê duyệt Ban hành Quy chế đầu tư</li> </ul>	100%
11	Số 11/2022/NQ/HĐQT	02/07/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua phương án xử lý cổ phiếu lẻ; Thông qua triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức</li> </ul>	100%
12	Số 12/2022/NQ/HĐQT	06/07/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua Về thông qua việc vay vốn, thế chấp tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Huế</li> </ul>	100%
13	Số 13/2022/NQ/HĐQT	01/08/2022	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thông qua V/V PHÊ DUYỆT BỔ SUNG NGÀNH ,NGHỀ KINH DOANH VÀO GIẤY ĐKKD VÀ XIN Ý KIẾN BIỂU QUYẾT CỦA ĐHCĐ BẰNG VĂN BẢN; THÔNG BÁO PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ĐỂ TRẢ CỔ TỨC</li> </ul>	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
14	Số 14/2022/NQ/HĐQT	22/08/2022	• Thông qua V/v vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Phú Xuân	100%
15	Số 15/2022/NQ/HĐQT	08/09/2022	• Thông qua V/v Vay vốn, phát hành LC, Bảo lãnh, xác nhận cung cấp tín dụng, cầm cố/ thế chấp tài sản và cử người ký kết văn kiện tại Ngân hàng Quân đội chi nhánh Bắc Sài Gòn và Ngân hàng Quân Đội chi nhánh Huế	100%
16	Số 16/2022/NQ/HĐQT	09/09/2022	• V/V BAN HÀNH ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI LẦN THỨ 12	100%
17	Số 17/2022/NQ/HĐQT	20/09/2022	• Thống nhất V/V Xử lý liên quan BB&QĐ của Thanh tra Thuế TTH	100%
18	Số 18/2022/NQ/HĐQT	03/10/2022	• Thống nhất V/V Đánh giá ước thực hiện KH 2022 và Định hướng Xây dựng KH 2023	100%
19	Số 19/2022/NQ/HĐQT	25/11/2022	• Phê duyệt V/V CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022 theo Tờ trình của Ban kiểm soát	100%
20	Số 20/2022/NQ/HĐQT	21/08/2022	• Phê duyệt Đầu tư Máy Datamatric	100%
21	Số 21/2022/NQ/HĐQT	05/12/2022	• Phê duyệt Đầu tư Máy Dập viên	100%
22	Số 22/2022/NQ/HĐQT	14/12/2022	• V/V Phê duyệt Kế hoạch 2023 và kế hoạch tổ chức Hội nghị Tổng kết năm 2022_ Triển khai KH 2023; Bổ nhiệm thay thế Kế toán trưởng và Tổ chức bàn giao; Bổ nhiệm một số chức danh cán bộ chủ chốt _ Nhiệm kì 4 ( 2023-2025)	100%
23	Số 23/2022/NQ/HĐQT	30/12/2022	• Về việc Xử lý nợ khó đòi	100%

↓ **Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc:**

- Giám sát Thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Giám sát thực hiện tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo đúng Điều lệ và pháp luật hiện hành



- Giám sát và phê duyệt thông qua đề xuất của Tổng giám đốc về cấu tổ chức, nhân sự bộ máy, quy chế quản lý nội bộ Công ty. Giám sát và phê duyệt ban hành Quy chế Đầu tư, sửa đổi- Bổ sung Quy chế tiền Lương , ban hành mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và tất cả cán bộ công nhân viên trong Công ty ; bổ sung Quy chế quản lý Kế hoạch Sản xuất Kinh doanh và Kinh tế Tài chính....cho phù hợp với tình hình SX-KD của doanh nghiệp
  - Giám sát và yêu cầu Tổng Giám đốc Công ty thực hiện báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng/ quý/ 9 tháng của năm 2022; Xây dựng chỉ tiêu kế hoạch của năm 2023 để trình hội đồng quản trị phê chuẩn trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023
  - Giám sát thực hiện tất cả các hoạt động quản lý điều hành khác của Tổng giám đốc theo quy định của Điều lệ , Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT& Ban KS ... và các quy chế của Công ty, các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
  - Giám sát và yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện đúng quy định về báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Báo cáo định kì và đột xuất theo yêu cầu cho các cơ quan quản lý nhà nước theo đúng quy định hiện hành
- ✚ HĐQT quản lý- giám sát công tác Tài chính:
- Đã giám sát công tác Tài chính theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước và điều lệ của công ty cổ phần.
  - Đã ra các quyết định về Đầu tư tài sản, phê duyệt dự toán và quyết toán đầu tư trong công ty theo điều lệ hiện hành.
  - Giám sát và công bố thông tin v/v kí hợp đồng dịch vụ Kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2022 đúng quy định
- ✚ HĐQT quản lý- giám sát Công tác Quản lý Vốn Điều lệ và Vốn KD-SX thông qua Giám sát hoạt động Quản lý của TGD và KTT.
- ✚ Thực hiện lợi ích của Cổ đông:
- Đã chi trả cổ tức 2021 bằng tiền và bằng cổ phiếu sau khi có Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2022 biểu quyết thông qua đúng quy định
  - Bảo đảm thực hiện đúng Quy chế và quyết định của Trung tâm lưu ký chứng khoán VN về thực hiện quyền cổ đông công khai- minh bạch trong Đại hội đồng CĐ thường niên và Chi trả cổ tức
- c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập : Không có thành viên HĐQT độc lập do NĐ 71/NĐ-CK mới ban hành; Đồng thời công ty là đại chúng nhưng không phải là công ty niêm yết trên sàn chứng khoán!
- d) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình đào tạo Online về quản trị công ty ( của VCCI tổ chức): Tham gia đào tạo các nội dung liên quan của UBCKNN và HNX tổ chức



**2. Ban Kiểm soát:**

## a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm có 03 thành viên tại thời điểm 30/12/2022:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Trình độ chuyên môn	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng Ban KS	Cử nhân kinh tế- Kế toán	1.059%
2	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	TV	Cử nhân kinh tế- Kế toán	10,17%
3	Bà Trương Thị Hạnh Phước	TV	Dược sỹ đại học	0%

## b) Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Thực hiện phối hợp theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ công ty

- ❖ Với chức năng - nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát Công ty đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Trên cơ sở đó, từng thành viên luôn bám sát tình hình thực tế để giám sát hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc, cũng như xem xét tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực và tính cần trọng trong quản lý, điều hành Công ty.
- ❖ Ban kiểm soát đã giám sát các hoạt động của doanh nghiệp theo đúng Điều lệ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát để đề xuất những kiến nghị cho HĐQT, cổ đông để sửa đổi, bổ sung nếu thấy chưa hợp lý.
- ❖ Tham dự các phiên họp HĐQT mời để nắm các Nghị quyết đã ban hành và thực hiện của HĐQT
- ❖ Giám sát thực hiện kế hoạch SX-KD và đánh giá hiệu quả của HĐQT-TGD thông qua các báo cáo sơ kết Quý/6 tháng/Năm
- ❖ Lựa chọn đơn vị Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022
- ❖ Cuộc họp của BKS:

Stt	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Trần Thị Vân Anh	02	100%	100%
2	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	02	100%	100%
3	Bà Trương Thị Hạnh Phước	02	100%	100%



3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

↓ Thù lao & Lợi ích khác của HĐQT & Ban KS:

*DVT: triệu đồng VN*

STT	Thành viên HĐQT, BKS	Chức danh	Thù lao (Chưa khấu trừ thuế TNCN)-ĐVN	Lợi ích khác: Tiền thưởng theo NQĐHĐCĐ nếu có (Chưa khấu trừ thuế TNCN)-ĐVN
1	Bà Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch HĐQT	112	50
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	64	50
5	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT	64	50
6	Bà Trần Thị Vân Anh	Trưởng BKS	44	22
7	Bà Nguyễn Thị Phương Trâm	Thành viên BKS	27,2	6
8	Bà Trương Thị Hạnh Phước	Thành viên BKS	27,2	18
	<b>Cộng</b>		<b>338,4</b>	<b>196</b>

↓ Thu nhập của Tổng giám đốc năm 2022: Lương & Thưởng & Thù lao HĐQT: 696 triệu đồng, đã bao gồm lợi ích khác.

↓ Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT:

STT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Đầu năm 2022		Cuối năm 30/12/2022	
			Số CP	Tỷ lệ %		Tỷ lệ %
1	Bà: Phan Thị Minh Tâm	Chủ tịch	85.403	1,29	96.505	1,29
2	Ông: Hoàng Ngọc Hoài Phong	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc	553.334	8,39	625.266	8,39
3	Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	1.001.059	15,17	1.131.196	15,17

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Đến thời điểm 31/12/2022: Không có!

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có!

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.

- ⚡ **Hoạt động quản trị công ty:** Đã căn cứ Quy chế quản trị nội bộ đã ban hành để triển khai thực hiện công tác quản trị theo các nội dung:
- Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông;
  - Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
  - Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;
  - Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;
  - Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
  - Quy định báo cáo và công bố thông tin
- ⚡ **Nội dung chưa triển khai gồm: Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:**
- HĐQT không xây dựng mô hình hoạt động của các tiểu ban do số lượng ít (3 thành viên) mà phân công nhiệm vụ theo chức năng quản trị của HĐQT cho từng thành viên
  - Ra Nghị quyết v/v phân công từng thành viên HĐQT

## V. Báo cáo tài chính:

### 1. Ý kiến kiểm toán:

Chấp thuận báo cáo tài chính năm 2022 của Doanh nghiệp!

### 2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

#### a. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD 2022:

CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2021	Năm 2022
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	1 294 537 981 133	1 331 150 806 386
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2	555 929 013	2 601 283 623
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	1 293 982 052 120	1 328 549 522 763
4.	Giá vốn hàng bán	11	1 221 418 514 436	1 244 812 443 259



CHỈ TIÊU		Mã số	Năm 2021	Năm 2022
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20	72 563 537 684	83 737 079 504
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	1 160 817 975	1 405 033 975
7.	Chi phí tài chính	22	22 822 401 878	26 592 777 021
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	22 731 905 928	26 307 574 214
8.	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		20 889 847 192
9.	Chi phí bán hàng	25	14 806 940 634	20 889 847 192
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20 360 045 382	17 908 158 907
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22)-(25+26) + 24}	30	15 734 967 765	19 751 330 359
12.	Thu nhập khác	31	626 313 920	668 564 723
13.	Chi phí khác	32	68 996 578	4 511 804 495
14.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	557 317 342	- 3 843 239 772
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	16 292 285 107	15 908 090 587
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	3 281 782 225	11 351 178 065
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60	130 10 502 882	4 556 912 522

**b. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đến 31-12-2022):**

TT	TÀI SẢN	Mã số	31/12/2021	31/12/2022
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>410 451 270 778</b>	490 993 163 199
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3 651 055 505	12 120 125 750
1.	Tiền	111	3 651 055 505	12 120 125 750
2.	Các khoản tương đương tiền	112		
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	<b>20 000 000 000</b>	20 000 000 000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		20 000 000 000
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	20 000 000 000	20 000 000 000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130	<b>191 790 698 174</b>	292 143 069 676
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	187 835 449 931	277 167 213 130

2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5 160 332 221	15 626 997 876
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1 933 624 299
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		- 2 584 765 629
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		160 383 137 121
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	1 620 468 741	1 933 624 299
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(2 825 552 719)	(2 584 765 629)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		160 383 137 121
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>186 846 060 782</b>	160 383 137 121
1.	Hàng tồn kho	141	190 746 905 080	183 774 143 708
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(3 900 844 298)	- 23 391 006 587
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>8 163 456 317</b>	<b>6 346 830 652</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	503 196 420	168 337 325
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152	7 660 259 897	6 178 493 327
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>30 121 525 380</b>	<b>25 637 053 272</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		
6.	Phải thu dài hạn khác	216		
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>28 716 185 623</b>	<b>24 514 834 476</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	28 716 185 623	24 514 834 476
	- Nguyên giá	222	87 754 608 653	89 408 367 971
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(59 038 423 030)	(64 893 533 495)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		
	- Nguyên giá	225		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		
3.	Tài sản cố định vô hình	227		
	- Nguyên giá	228		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		
	- Nguyên giá	231		
	- Giá trị hao mòn lũy kế	232		
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		



1.	Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		
1.	Đầu tư vào công ty con	251		
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	260	<b>1 405 339 757</b>	1 122 218 796
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		1 122 218 796
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4.	Tài sản dài hạn khác	268		
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>440 572 796 158</b>	516 630 216 471
	<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>		
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	300	<b>352 108 623 292</b>	427 189 324 059
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	310	<b>343 976 844 181</b>	427 189 324 059
1.	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	28 820 977 746	54 812 760 827
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5 817 831 177	18 733 018 200
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1 302 022 579	1 355 733 008
4.	Phải trả người lao động	314	5 086 861 269	7 678 964 060
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	1 105 799 705	1 372 832 414
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	262 381 556	296 134 756
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	651 554 272	741 151 619
0.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	300 033 080 143	341 864 834 975
1.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	
2.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	896 335 734	333 894 200
3.	Quỹ bình ổn giá	323	-	
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	330	<b>8 131 779 111</b>	
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		
7.	Phải trả dài hạn khác	337		
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	8 131 779 111	
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		

11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	400	<b>88 464 172 866</b>	89 440 892 412
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	410	<b>88 464 172 866</b>	89 440 892 412
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411	65 983 670 000	74 554 060 000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	65 983 670 000	74 554 060 000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	4 000 000	4 000 000
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414	1 477 728 123	1 477 728 123
5.	Cổ phiếu quỹ	415	(92 000 000)	- 92 000 000
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418	2 171 510 208	2 379 404 970
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		
0.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	5 479 938 985	6 130 464 129
1.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	13 439 325 550	4 987 235 190
	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	428 822 668	430 322 668
	LNST chưa phân phối năm nay	421b	13 010 502 882	4 556 912 522
2.	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	430		
1.	Nguồn kinh phí	431		
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>440 572 796 158</b>	516 630 216 471

**Nơi gửi:**

- UBCK Nhà nước (hệ thống IDS và bản cứng)
- Sở GDCK Hà Nội (hệ thống CIMS và bản cứng)
- HĐQT, BKS
- Đăng tải trên Web Công ty

Huế, ngày 20 tháng 03 năm 2023  
**CHỦ TỊCH HĐQT**



**ĐS. PHAN THỊ MINH TÂM**





